

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN MT
TỈNH VĨNH LONG

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 60/2018/ HNGĐ-ST.

Ngày: 20-7-2018

“ V/v Xin ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Thành Long**.

2/ Ông **Nguyễn Đình Cường**.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thủy - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MT, không tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở TAND huyện MT xét xử công khai vụ án thụ lý số: 128/2018/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 5 năm 2018, về tranh chấp Hôn nhân và gia đình: Xin ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Quách Phương A**, sinh năm 1982 (có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 02/5/2018).

Địa chỉ HKTT: ấp PH, xã NP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: ấp LT 1, xã LĐ A, huyện CM, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Công K**, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp PH, xã NP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/5/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Quách Phương A trình bày:

1/Về hôn nhân: Chị A và anh K tìm hiểu được gia đình hai bên chấp thuận đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán năm 2014 và được Ủy ban nhân dân xã N P, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long, cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21/2014 quyền số I/2014 ngày 24/3/2014.

Sau ngày cưới chị A theo anh K về nhà cha mẹ bên chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh K thường xuyên không có ở nhà, không chăm lo cho vợ con, chị A đã nhiều lần khuyên can nhưng anh K tính nết vẫn tật đó không thay đổi. Gia đình cha, mẹ hai bên đã hòa giải, khuyên can nhiều lần để chị A và anh K đoàn tụ cùng chăm lo cho con nhưng chị A cho rằng không còn tình cảm vợ chồng với anh K nên không thể đoàn tụ cùng anh K. Từ đó mâu thuẫn giữa chị A và anh K ngày càng trầm trọng, không khắc phục được nên chị A đã bỏ về nhà mẹ ruột ở ấp LT, xã LĐ A, huyện CM, tỉnh An Giang sinh sống từ lúc chị A sinh cháu Mỹ D được 02 tháng cho đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị A nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Công K. Đồng thời ngày 02/5/2018 chị A có đơn xin vắng mặt các phiên hoà giải, công khai chứng cứ và xét xử.

2/ Về con chung: Giữa chị A và anh K chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 02/10/2015 hiện đang do chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu Mỹ D, chị A không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị A.

3/ Về tài sản chung, nợ phải thu, nợ phải trả: chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo cho anh Nguyễn Công K biết việc thụ lý vụ án cũng như các yêu cầu khởi kiện của chị A, nhưng anh K không có văn bản trả lời, không có yêu cầu phản tố và vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, các phiên tòa mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Công K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do và chị Quách Phương A vắng mặt có

đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án quyết định xét xử vắng mặt anh K và chị A.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh K sống chung với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 09 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh K là hợp pháp. Trong quá trình chung sống đã có phát sinh mâu thuẫn không thể khắc phục được nên sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Chị A xác định do anh K không chăm lo cho vợ con, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Từ đó chị A không còn tình cảm với anh K, không có khả năng đoàn tụ, đã chứng minh tình trạng hôn nhân giữa chị A và anh K có mâu thuẫn trầm trọng nên chị A yêu cầu ly hôn với anh K. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã cấp tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về các phiên hòa giải, công khai chứng cứ và giấy triệu tập tham dự phiên tòa cho anh K hợp lệ nhưng anh K không đến tham dự các phiên hòa giải, các phiên họp công khai chứng cứ, các phiên tòa mà không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của anh K đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị A “*Theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 91, Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015*”. Do đó, xét thấy trong cuộc sống vợ chồng giữa chị A và anh K đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không khắc phục được, do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận cho chị A được ly hôn với anh Nguyễn Công K.

[3] Về con chung: Chị A yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 02/10/2015. Xét thấy, anh K đã được Tòa thông báo về việc yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của chị A nhưng anh K không có ý kiến phản đối. Mặc khác, cháu Mỹ D từ lúc sinh ra cho đến nay do chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đồng thời cháu Mỹ D còn quá nhỏ cần có sự chăm sóc, giáo dục của mẹ (chị A) nên xem xét giao cháu Mỹ D cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị A không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ phải thu, nợ phải trả: không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc chị A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 227; 228, 238; 266; 267 của Luật tổ tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 09, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quách Phương A:

1/ Về quan hệ hôn nhân: chị Quách Phương A được ly hôn với anh Nguyễn Công K.

2/ Về nuôi con chung: giao con chung tên Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 02/10/2015 cho chị Quách Phương A tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Công K có quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con chung: không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

4/ Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ phải thu, nợ phải trả: không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

5/ Án phí: Buộc chị Quách Phương A phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị A đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MT, theo biên lai thu số 0006441 ngày 02/5/2018, chị A không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND nơi chị Anh, anh K cư trú./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

-VKSND huyện MT;
-TAND tỉnh Vĩnh Long;
-THADS huyện MT;
-UBND xã NP;
-Các đương sự;
-Lưuhồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Huỳnh Thị Linh

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MT
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Ngày 20 tháng 7 năm 2018. Tại: trụ sở Tòa án nhân dân huyện MT, tỉnh

Vĩnh Long.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Linh

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Nguyễn Thành Long

2. Ông Nguyễn Đình Cường

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 128/2018/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 5 năm 2018 về **Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con** giữa:

2. *Nguyên đơn*: Chị **Quách Phương A**, sinh năm 1982 (có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 02/5/2018).

Địa chỉ HKTT: ấp Phú Hoà, xã Nhơn Phú, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: ấp Long Thuận 1, xã Long Điền A, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Công K**, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Phú Hoà, xã Nhơn Phú, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 227; 228, 238; 266; 267 của Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 09, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quách Phương A:

1/ Về quan hệ hôn nhân: chị Quách Phương A được ly hôn với anh Nguyễn Công K.

2/ Về nuôi con chung: giao con chung tên Nguyễn Thị Mỹ Duyên, sinh ngày 02/10/2015 cho chị Quách Phương A tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Công K có quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con chung: không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

4/ Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ phải thu, nợ phải trả: không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

5/ Án phí: Buộc chị Quách Phương A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị A đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MT, theo biên lai thu số 0006441 ngày 02/5/2018, chị A không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND nơi chị Anh, anh K cư trú./.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc cùng ngày. Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành Viên Hội Đồng Xét Xử

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Long Nguyễn Đình Cường

Huỳnh Thị Linh

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

-VKSND huyện MT; **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

-TAND tỉnh Vĩnh Long;

-THADS huyện MT;

-UBND xã Hòa Tịnh;

-Các đương sự;

-Lưu hồ sơ.

Huỳnh Thị Linh